**TẬP 28**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 28 - Chủ đề DU LỊCH THỰC TẾ 2**

| 1. **HỘI THOẠI 1**
 |
| --- |
| **Nhân vật**: Miki, Hà, Linh Chi, Lan**Cần chuẩn bị** : đồng xu 10won (thầy Kim có ạ), bánh đồng xu cho nhân vật(có thể mua ở Lotte Mall Tây Hồ)**#Seoul Station**Hà và Miki búng tay xong thì hô biến chuyển cảnh đến ga. Lan, Linh Chi đang chờ, vẫy tay gọi Hà và Miki. Lan: 탄하, 미키~ 빨리 와. 늦겠다! Thanh Hà, Miki, nhanh lên. Muộn mất thôi!Miki(vừa chạy đến, vừa nói): 오래 기다렸어? Các cậu chờ lâu chưa?Linh Chi: 기차는 8시에 출발해. 8h là tàu chạy đó. Hà: 아직 7시 30분이야. Bây giờ mới 7h30 mà. Các bạn chạy cùng nhau ngồi ghế chờ. **#Ghế chờ tàu trong ga**- Hà: 와, 신난다! Oa, vui quá đi thôi!- Miki: 경주에 가서 뭐 먹지? - Lan: 자, 집중! 이것은 경주 지도야. 경주에 도착하면 어디로 갈 지, 지도를 보고 정하자. Chà, tập trung! Đây là bản đồ Gyeongju này. Chúng mình cùng xem rồi quyết định xem đến nơi thì đi những đâu đi. - Hà: 어제 형준과 통화했어. 경주는 한국에서 가장 오래된 도시로 구경할 만한 유적지가 많다고 했어. Hôm qua mình đã gọi điện với Hyeong Jun. Cậu ấy bảo là Gyeongju là thành phố lâu đời nhất ở Hàn Quốc, là nơi có rất nhiều di tích đáng để thăm thú. - Miki: 맞아, 우리 반 친구들도 경주가 여행할 만하다고 했어. Đúng rồi, các bạn lớp mình cũng nói rằng Gyeongju là nơi rất nên đi mà. - Linh Chi: (지도를 보면서) 와, 이것 봐. 역시 경주에는 유적지가 많아! Oà, nhìn này. Quả nhiên là ở Gyeongju có nhiều di tích thật. - Lan (chỉ vào bản đồ): 이게 다 유적지야? 구경할 만한 유적지가 정말 많이 있네! Cái này tất cả đều là di tích à? Có nhiều di tích nên tham quan thật ấy. - Miki: 어디부터 가면 좋을까? Chúng mình bắt đầu đi từ đâu thì ổn nhỉ?- Lan: 나는 석굴암에 가장 먼저 가 보고 싶어. Tớ muốn đi thăm Động Seokguram đầu tiên đấy.  - Miki(tỏ vẻ sợ hãi): 석굴암? 석굴? 동굴을 말하는 거야? 동굴은 어둡고 무섭지 않아? Seokguram? Seokgul? Cậu nói hang động à? Hang động thì tối và không phải sẽ đáng sợ sao?- Hà: 동굴이 아니야. 여기는 석굴암이야 (Hà búng tay thì cảnh Seokguram như hiện ra bong bóng). 석굴암은 한국의 대표적인 석굴 사원이야. Không phải kiểu hang động đâu. Đây là Seokguram. Động Seokguram là một ngôi chùa hang tiêu biểu của Hàn Quốc.- Linh Chi (tìm kiếm rồi đọc thông tin vanh vách): 맞아. 화강암으로 만든 불상이 있고 한국의 국보 24호일뿐만 아니라 유네스코 세계문화유산이기도 해. Đúng rồi. Động có một bức tượng Phật được làm bằng đá hoa cương, không chỉ là quốc bảo số 24 của Hàn Quốc mà còn là di sản Văn hoá Thế giới được UNESCO công nhận .  - Miki(tỏ vẻ ko thích Seokguram nên muốn tìm điểm khác): 석굴암 다음은 어디로 갈까? Sau Seokguram thì chúng mình sẽ đi đâu?- Lan: (지도를 보면서) 음. 석굴암에 간 후에 국립경주박물관에 가 보자, 신라시대의 관람할 만한 유물들을 많이 전시하고 있다고 해. (Nhìn bản đồ) Ừm. Sau khi đi Seokguram thì bọn mình đi bảo tàng Gyeongju xem sao, tớ nghe bảo rằng đây là nơi trưng bày các hiện vật rất đáng xem của thời đại Shilla. - Miki: 신라? 아, 신라면의 신라? Shin-ra? À, Shin-ra trong Shin-Ramyeon á?- Lan (kiểu chán chẳng buồn nói): 아니야. 신라는 기원전 57년부터 935년까지 약 992년간 한반도를 지배했던 고대 왕국이야. Silla là một vương quốc cổ xưa cai trị bán đảo Triều Tiên trong khoảng 992 năm từ năm 57 TCN đến năm 935 TCN ý. (신라 설명)- Hà (cười phá): 신라면은 집에 가서 드시죠! Shin-ramyeon thì xin mời bạn về nhà mà ăn nhé!- Miki: 다른 뜻이구나… (주제를 빨리 돌린다) 그럼 경주박물관에서 가장 관람할 만한 유물은 뭐야? Ra là khác ý nghĩa à… Vậy thì hiện vật đáng xem nhất ở Bảo tàng Gyeongju là gì vậy?- Linh Chi (hiện hình ảnh gương mặt và chiếc vương miện): 음, 가장 유명하면서 관람할 만한 유물은 ‘얼굴 무늬 수막새’와 ‘금관’이야. Ừm, Hiện vật nổi tiếng và đáng xem nhất đó là “Hoa văn gương mặt Sumakse” và “vương miện vàng”. - Hà: 오. 나도 이 유물의 사진을 본 적 있어. ‘신라의 미소’. Ô, tớ cũng từng xem ảnh của hiện vật này rồi. Nó là “nụ cười Shilla”.- Lan (khoanh vào bản đồ): 좋아, 국립경주박물관에 가자! Được đấy, chúng mình cùng đi bảo tàng Gyeongju đi. Các bạn đang nói chuyện thì có tiếng loa thông báo (공지) : 8시 경주행 기차 곧 출발합니다. Chuyến tàu 8 giờ đi Gyeongju sắp khởi hành. - Miki: 오, 오, 빨리 타야 해. Các bạn chạy vào phía tàu. Tiếp cảnh sau sẽ là chạy từ trong ra. **#Trước cửa ga Gyeongju/ 경주역 앞**- Các bạn hào hứng, riêng Miki hơi say tàu do ngồi ngược, thêm hiệu ứng hoặc hóa trang Miki có quầng thâm dưới mắt từ ít đến tăng dần theo thời gian - Hà, Lan, Chi: 가자, 가자!Các bạn kéo nhau chạy ngang, Miki theo sau cùng, đầu tiên chạy qua Seokguram, rồi chạy qua Bảo tàng Gyeongju, sau đó dừng ở ngoài bảo tàng. **#(경주박물관 그래픽 , 박물관 구경 밖) Đồ hoạ bảo tàng Gyeongju, bên ngoài bảo tàng.** - Linh Chi: 옛 경주의 유물이 아주 많았어. 그렇지? Hiện vật của Gyeongju thời xưa thì rất là nhiều. Đúng thế nhỉ?- Lan hào hứng: 마치 천 년 전 신라 시대에 다녀온 것 같아. Cảm giác như tớ được trở về thời Shilla của 1000 năm trước ấy. - Miki thều thào (hiện quầng đen dưới mắt đậm dần): 다음에 갈 곳은 어디야? Nơi tiếp theo mà mình sẽ đi là đâu thế?- Hà: 이번에는 불국사에 가. Bây giờ mình đi Chùa Bulguksa đi. **# (불국사 그래픽) Đồ hoạ Chùa Bulguksa** **(미키가 약간 멀미가 나서 말이 적어진다)**- Lan: 와, 여기가 불국사구나. Oa! Hoá ra đây là Bulguksa. - Linh Chi: 불국사는 한국에서 가장 유명한 절일뿐만 아니라 다보탑과 석가탑으로 유명해. Chùa Bulguksa không chỉ là chùa nổi tiếng nhất ở Hàn Quốc mà còn nổi tiếng với tháp đá Dabotap và Seokgatap. (다보탑 석가탑 그래픽) Hiện đồ hoạ tháp Dabotap và Seokgatap. - Hà: 아, 나는 이 탑을 본 적이 있어! À, tớ đã từng nhìn thấy tháp này rồi- Lan: 응? 어디서? Ừm? Cậu thấy ở đâu?- Hà: (주머니에서 동전을 꺼냄) 이거, 10원 동전에 있는 탑이 다보탑이지? (Lôi đồng xu từ trong túi ra) Cái này, cái tháp mà được khắc trên đồng xu mệnh giá 10 won chính là Dabotap này đúng không nhỉ?- Lan (cầm đồng xu của Hà rồi so sánh với hình ảnh Dabotap): 맞아, 10원 동전에 있는 탑이 불국사의 다보탑이야. Đúng rồi, cái tháp xuất hiện trên đồng xu 10 won chính là tháp Tabotap của chùa **Bulguksa.**- Linh Chi: 동전에 있던 유적을 실제로 보다니, 수학여행은 정말 해 볼 만한 여행이 맞지? Nhìn thực tế trực tiếp di tích mà có trên đồng tiền xu 10 won như thế này mới thấy du lịch thực tế đúng là rất nên có nhỉ? **Miki đứng ngơ ngác bên cạnh, lúc này các bạn mới nhận ra. (친구들은 이제서야 속이 안 좋은 미키를 알아본다)** - Hà: 그런데… 미키… 오늘 말이 없네. (미키 보면서) 괜찮아? Nhưng mà, hôm nay Miki kiệm lời nhỉ? Cậu ổn không?- Miki (quầng mắt đen) : 멀미 난 것 같아… 어지럽고 속이 울렁거리고… Hình như mình say tàu… mình thấy chóng mặt rồi nôn nao…- Lan: 우리 좀 쉴까? 죽을 먹으면 좀 나아질까? 죽을 파는 곳이 어디지? Hay bọn mình nghỉ một chút nhé? Nếu ăn một chút cháo thì chắc sẽ đỡ hơn nhỉ? Ở đâu bán cháo nhỉ?- Miki: 죽 말고 … 다른 것을 먹어도 괜찮을 것 같아. 경주에서 먹어 볼 만한 음식이 있을까? Đừng ăn cháo, ăn món gì khác cũng được mà. Ở Gyeongju có món ăn nào đáng để ăn không nhỉ? - Hà (두리번 두리번): 오, 저기 뭐 있네. 여기서 기다려 봐! Ô, ở kia có gì kìa. Các cậu chờ ở đây nhé!Nói rồi, Hà chạy đi mua và cầm đồ ăn quay lại. 음식(십원빵)을 사러 다녀 옴.- Hà (vừa nói vừa chia cho các bạn, 말하면서 친구들에게 나눠 준다): 자, 다보탑을 먹어 볼까? Nào, mình ăn thử tháp Dabotap nhé?- Lan: 무슨 말이야? 다보탑을 어떻게 먹어? Cậu nói gì thế. Sao mà ăn được Dabotap chứ?- Hà: 미키가 잘(nhấn mạnh/강조) 먹고 있는데. Miki đang ăn kìa. - Miki (Miki ăn thì quầng thâm dần tan biến, vui vẻ trở lại) : 먹을 수 있어. 먹어 볼 만해. Ăn được nè. Đáng ăn thử lắm đấy. - Lan tò mò cầm lấy túi bánh Hà đưa, mở ra(궁금해서 봉투를 열다): 오, 십원빵! 십원빵에 있는 탑이 다보탑이었구나! Ồ, bánh đồng 10 won. Ra là hình tháp trên bánh đồng 10 won là tháp Dabotap.- Linh Chi: 우와! 하노이에서도 먹어봤는데, 한국에 오기 전부터 경주와 인연이 있었네! U oa! Em cũng từng ăn ở Hà Nội rồi. Ồ hoá ra từ trước khi đến Hàn Quốc thì em đã có duyên với Gyeongju rồi. - Hà: 맛있지? 맛있지? 봐 봐, 미키는 십원빵을 먹자마자 바로 효과가 있잖아. Ngon nhỉ? Ngon nhỉ? Các cậu nhìn xem, Miki ăn bánh đồng 10 won xong là hiệu nghiệm ngay kìa. - Lan: 속이 울렁거렸던 이유가 속이 비었기 때문이었어?. Hóa ra lý do nôn nao trong bụng là do nó trống rỗng nhỉ. - Miki: 아니야, 진짜 멀미였어. 그런데 탄하가 사준 빵을 먹고 나아졌어. 역시 탄하 밖에 없어! Không phải, mình say tàu thật đó. Nhưng mà ăn bánh của Thanh Hà mua cho là khỏe luôn. Đúng là… không có ai như Thanh Hà!!!(미키 말하면서 탄하를 와락 끌어안다)- Hà: 저리 가! 란, 영지, 다음은 어디로 갈까? Đi ra kia đi! Lan, Linh Chi, tiếp theo bọn mình đi đâu nhỉ?- Miki(bám lấy Hà): 난 탄하를 따라갈래! Mình đi theo Thanh Hà! |
| 1. **TRANH LUẬN**
 |
| 여행에서는 보는 것이 가장 중요하다 VS 먹는 것이 가장 중요하다.‘Khi đi du lịch ngắm nhìn cảnh quan là quan trọng nhất’ và ‘Khi đi du lịch, ăn là quan trọng nhất’

| **Miki** | 여행에서 가장 중요한 것은 뭐니뭐니 해도 보는 것이죠. Khi đi du lịch, nói gì thì nói làm gì thì làm cũng là việc ngắm nhìn.무엇인가를 직접 보기 위해서 여행을 가는 것 아닌가요?Chẳng phải mục đích của việc đi du lịch là đi để trực tiếp thăm thú nhìn ngắm một cái gì đó sao? |
| --- | --- |
| Hà | 보는 것도 중요하지만, 먹는 것이야 말로 여행에서 가장 중요한 것이죠. Nhìn ngắm thì cũng quan trọng đó nhưng nói gì thì nói, chẳng phải ăn vẫn là điều quan trọng nhất trong các chuyến đi hay sao?배가 든든해야 보는 것도 잘 할 수 있는 법이에요.Phải ấm cái bụng thì mới có sức mà xem xét ngắm nghía chứ.  |
| **Miki** | 백문이 불여일견이라는 말이 있습니다. Người ta vẫn bảo “trăm nghe không bằng một thấy” còn gì.이 말의 뜻은 백 번 듣는 것보다 직접 한 번 보는 것이 낫다는 뜻이에요.Ý nghĩa của câu này đó là 1 lần xem trực tiếp còn tốt hơn là nghe 100 lần. 그만큼 직접 보는 것이 중요하다는 의미입니다. Điều đó có ý nghĩa là xem, nhìn trực tiếp quan trọng hơn. 여행에서는 눈으로 직접 보는 것이 가장 중요하다고요.Khi đi du lịch nhìn ngắm mới là quan trọng nhất.  |
| Hà | 물론 눈으로 보는 것도 중요하죠.Đương nhiên xem trực tiếp thì cũng quan trọng chứ. 하지만 금강산도 식후경이라는 말은 모르시나요?Nhưng mà cậu không biết câu “Đến núi kim cương cũng phải ăn xong đã” à?아무리 좋은 경치와 유적도 배가 고프면 눈에 들어오지 않을 겁니다.Dù cho phong cảnh, di tích có đẹp thế nào đi nữa thì nếu đói bụng làm sao mà những thứ đó lọt vào mắt được chứ.우선 잘 먹어야 여행도 잘 할 수 있습니다.Đầu tiên phải ăn uống no rồi mới có thể du lịch vui được chứ.  |
| **Miki** | 굳이 먹으러 여행을 간다면, 굳이 멀리 가서 먹을 필요가 있나요? Nếu nhận định đi du lịch để ăn thì liệu có cần phải đi xa như thế để ăn không?자기 집 근처에도 식당들은 많이 있잖아요. Ngay gần nhà mình cũng có nhiều quán ăn còn gì. 그리고 요즘은 스마트폰 앱만 있어도, 전 세계의 요리를 주문해서 먹을 수 있습니다.Và dạo này chỉ cần có các ứng dụng trên điện thoại thông minh thì có thể đặt cả thế giới về ăn rồi còn gì. 하지만 보는 것은 내가 직접 가야 볼 수 있죠.Nhưng mà ngắm nhìn thăm thú thì mình phải đi trực tiếp mới xem được chứ.  |
| Hà | 흠, 그렇다면 스마트폰이나 인터넷에서도 국내는 물론 세계의 유명한 여행지와 유적지를 볼 수 있는 걸요? Hừm, nếu nói vậy thì qua điện thoại thông minh hoặc internet mình cũng có thể xem được các di tích và các điểm du lịch nổi tiếng trong và ngoài nước.굳이 시간과 비용을 들여 그 먼 곳까지 갈 필요가 있나요? Đâu có nhất định phải mất thời gian và tiền bạc để đi xa như thế. 마찬가지예요.Giống nhau cả thôi mà.여행지 또는 명소에 가서 그곳의 유명한 대표 음식을 직접 먹어봐야 참맛을 알 수 있죠. Đến các điểm du lịch nổi tiếng và ăn những món ăn tiêu biểu của vùng đó thì mới cảm nhận được hương vị thực sự của đồ ăn đó chứ.  |
| **Miki** | 직접 보는 것과 먹는 것을 어떻게 같다고 할 수 있죠? Trực tiếp xem rồi ăn thì sao có thể nói là giống nhau được nhỉ? 먹는 것은 굳이 그 지역까지 안 가도 충분히 경험할 수 있어요. Ăn thì chẳng cần nhất định phải tới cái vùng đó cũng có thể cảm nhận được một cách đầy đủ mà. 유적지와 명소를 직접 보고 느낄 때의 감동은 비교할 수 없습니다.Làm sao có thể so sánh được với cảm xúc của mình như khi mình trực tiếp ngắm nhìn và cảm nhận vẻ đẹp của các di tích và các điểm du lịch nổi tiếng.  |
| Hà | 마찬가지예요. Giống nhau cả mà.지역의 대표 음식을 그 지역에 가서 직접 먹을 때의 참맛은 배달 음식으로는 느낄 수 없죠. Món ăn tiêu biểu của các vùng miền thì phải đến vùng đó trực tiếp ăn mới cảm nhận được vị thực sự của món đó chứ làm sao cảm nhận được bằng cách ăn qua giao hàng? 이어폰으로 듣는 음악보다, 콘서트에 가서 들을 때 느낌이 다르듯이 음식도 마찬가지예요.Giống như việc cậu đến buổi concert nghe nhạc trực tiếp khác với việc cậu nghe qua tai nghe mà, món ăn cũng thế. 여행지에 가면 일단 그 지역의 음식의 맛을 봐야죠. Nếu cậu tới một điểm du lịch thì đầu tiên cậu phải nếm thử món ăn của vùng miền đó chứ.배가 고프면 아무것도 할 수 없어요. Nếu đói bụng thì cậu không thể làm được gì đâu.  |
| **Miki** | 흠, 글쎄요. 탄하 씨는 관리가 필요해 보이는데요? Hừm. Xem nào. Thanh Hà dạo này trông cũng cần quản lý hơn chút rồi đó.  |
| Hà | 어머, 어머, 무슨 말씀이세요? 난 괜찮은데…그대로 예쁜데…Ôi trời, ôi trời, cậu nói gì vậy? Mình ổn mà… vẫn xinh đẹp như thường… |
| **Miki**, Hà | 여러분, 여러분은 어떻게 생각하세요? Thế còn quý vị, quý vị nghĩ thế nào? |

 |